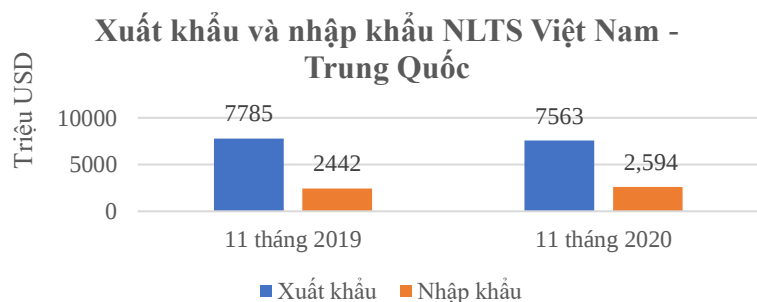


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường TRUNG QUỐC

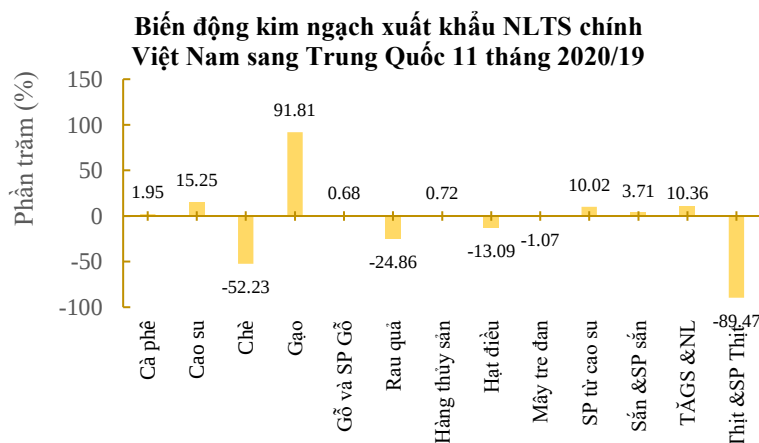


TÌNH HÌNH CHUNG



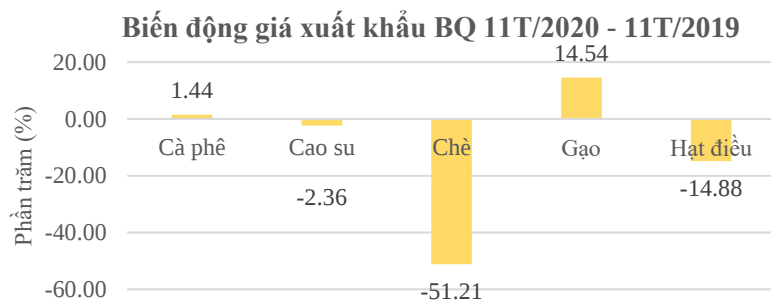
So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam - Trung Quốc (11T/2020 – 11T/2019)

Xuất khẩu	▼ 2,85%
Nhập khẩu	▲ 6,22%



So sánh 11T/2020 với 11T/2019

Cà phê	▲ 1,95%
Cao su	▲ 15,25 %
Chè	▼ 52,23%
Gạo	▲ 91,91 %
Gỗ và SP Gỗ	▼ 0,68%
Rau quả	▼ 24,86%
Thủy sản	▲ 0,72%
Hạt điều	▼ 13,09 %
Mây tre đan	▼ 1,07%
SP từ cao su	▲ 10,02 %
Sắn và SP Sắn	▲ 3,71%
TÀGS và NL	▲ 10,36 %
Thịt và SP thịt	▼ 89,47%



So sánh giá xuất khẩu 11T/2020 – 11T/2019

Cà phê	▲ 1,44 %
Cao su	▼ 2,36%
Chè	▼ 51,21 %
Gạo	▲ 14,54%
Hạt điều	▼ 14,88%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Theo số liệu của Cục thống kê quốc gia Trung Quốc (15/12), hàng loạt các chỉ số chính của nền kinh tế Trung Quốc trong tháng 11 cho thấy nền kinh tế lớn thứ hai thế giới đang trên đà hồi phục một cách mạnh mẽ, sản lượng công nghiệp của Trung Quốc trong tháng 11 tăng 7,0%, chỉ số sản xuất của các ngành dịch vụ cũng tăng 8% so với cùng kỳ và lần lượt tăng 0,1% và 0,6% so với tháng 10. Sản lượng lương thực trong năm 2020 của Trung Quốc đạt 652 triệu tấn, tăng 0,9%, là năm thứ 6 liên tiếp sản lượng lương thực của Trung Quốc vượt mốc 650 triệu tấn. Về góc độ nhu cầu, tăng trưởng bán lẻ trong tháng 11 đạt 5%, xuất khẩu trong tháng 11 tăng 7,8% so với cùng kỳ và lần lượt tăng 0,7% và 3,2% so với tháng 10. Đầu tư tài sản cố định từ tháng 1 đến tháng 11 tăng 2,6%. Tỷ lệ thất nghiệp tại thành thị là 5,2%, giảm 0,1% so với tháng 10. Tốc độ tăng trưởng của kinh tế Trung Quốc trong quý IV đang có triển vọng nhanh hơn tốc độ trong quý III, do từ góc độ sản xuất hay nhu cầu đều có sự hồi phục ổn định. Kết quả cuộc thăm dò của Reuters công bố ngày 27/10 cho thấy, tăng trưởng GDP của Trung Quốc quý IV/2020 sẽ đạt 5,8% (so với cùng quý năm ngoái), mạnh hơn mức 4,9% của quý III/2020, và cả năm 2020 sẽ đạt 2,1%, sau đó tăng tốc lên 8,4% trong năm 2021, khi kinh tế toàn cầu đều hồi phục. Tại Hội nghị toàn thể lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc khóa XIX (diễn ra trong các ngày 26-29/10/2020), Chủ tịch Trung Quốc khẳng định, Trung Quốc có thể áp dụng mô hình phát triển mới, huy động cả nguồn lực kinh tế quốc gia và động lực kinh tế quốc tế thay chỉ tập trung vào các thị trường nước ngoài như trước. Mục tiêu của nước này trong 15 năm tới sẽ tập trung vào lĩnh vực công nghệ và các ngành chiến lược khác.

Theo báo cáo mới đây của Morgan Stanley, GDP của thế giới trong năm 2020 sẽ tăng trưởng âm 3,5%, trong đó Mỹ tăng trưởng âm 3,5%, EU tăng trưởng âm 7,2%, còn tăng trưởng GDP của Trung Quốc sẽ đạt 2,3%. Sách xanh kinh tế Trung Quốc do Viện khoa học xã hội nước này công bố hôm 14/12 cũng cho thấy, trong năm 2020 nền kinh tế lớn thứ hai thế giới có thể đạt mức tăng trưởng 2,2% và tăng trưởng mạnh trở lại trong năm 2021 với mức tăng 7,8%. Theo một báo cáo mới của Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh (CEBR), Trung Quốc sẽ vượt Mỹ trở thành nền kinh tế lớn nhất thế giới vào năm 2028, sớm hơn 5 năm so với ước tính trước đó do phản ứng tương phản của hai quốc gia đối với thiệt hại kinh tế do Covid-19 gây ra.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020, Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và Nông thôn Trung Quốc (MARA) đã công bố lấy ý kiến trong nước về dự thảo tiêu chuẩn quốc gia về an toàn thực phẩm quốc gia Giới hạn dư lượng tối đa của 75 loại thuốc trừ sâu (bao gồm 2,4-D-dimethylamine) trong thực phẩm. Tiêu chuẩn dự thảo đưa ra 212 giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với 75 loại thuốc trừ sâu trong nhiều loại trái cây, rau, ngũ cốc, hạt có

dầu và đồ uống có nguồn gốc thực vật. Trung Quốc dự kiến sẽ thông báo dự thảo MRLs cho Ủy ban SPS của WTO sau giai đoạn lấy ý kiến trong nước, thời hạn lấy ý kiến đến ngày 22 tháng 12 năm 2020.

Ngày 4 tháng 11 năm 2020, Trung Quốc đã thông báo dự thảo Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia sửa đổi đối với Vật liệu Giấy và Bìa và Các mặt hàng Dự định Tiếp xúc với Thực phẩm lên Tổ chức Thương mại Thế giới với tên gọi G / SPS / N / CHN / 1186. Sau khi hoàn thiện, tiêu chuẩn sửa đổi sẽ thay thế Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia hiện hành cho Giấy, Vật liệu bìa và Sản phẩm Tiếp xúc với Thực phẩm (GB4806.8-2016), được ban hành vào tháng 10 năm 2016 và có hiệu lực nửa năm sau đó. So với tiêu chuẩn hiện hành, tiêu chuẩn sửa đổi sửa đổi các thuật ngữ và định nghĩa nhất định, các yêu cầu về cảm quan, các chỉ tiêu hóa lý và các yêu cầu kỹ thuật khác. Trung Quốc chưa công bố ngày dự kiến có hiệu lực của tiêu chuẩn sửa đổi.

Vào ngày 3 tháng 12 năm 2020, EU đã công bố Thỏa thuận giữa EU và Trung Quốc về chỉ dẫn địa lý (GIs) trên Tạp chí chính thức của mình. Hiệp định này sẽ mở rộng sự bảo hộ ở Trung Quốc cho 275 sản phẩm được sản xuất tại EU. Các sản phẩm bao gồm phô mát feta, phô mát asiago, ô liu kalamata, rượu vang marsala... Post dự kiến Hiệp định sẽ có hiệu lực vào ngày 1/2/2021.

Theo báo cáo của USDA, xu hướng sản xuất và tiêu thụ trái cây có múi tươi của Trung Quốc được dự báo sẽ tiếp tục tăng trong niên vụ 2020/21 lần lượt là 35,6 triệu tấn và 34 triệu tấn. Tuy nhiên, trong tương lai tốc độ tăng trưởng sản xuất dự kiến sẽ chậm lại khi giá cả giảm và nhu cầu tiêu dùng đạt đến ngưỡng bão hòa. Nhu cầu đối với trái cây có múi nhập khẩu trong niên vụ 2020/21 dự kiến vẫn ở mức thấp, giảm 25% so với mức Covid-19 trước đó, mặc dù sẽ tăng trở lại khi nền kinh tế phục hồi. Nhập khẩu và sản xuất nước cam ép đông lạnh thấp hơn cho thấy thách thức đối với ngành công nghiệp trong nước và dấu hiệu thay đổi sở thích của người tiêu dùng đối với trái cây tươi. Sản lượng cam trong niên vụ 2020/21 dự báo tăng lên 7,5 triệu tấn do số lượng cây mới trồng cách đây vài năm ở Giang Tây và các tỉnh khác bắt đầu cho trái nhiều hơn.

Theo Undercurrentnews, người tiêu dùng ở Trung Quốc lo ngại rằng hải sản nhập khẩu có thể bị nhiễm virus COVID-19 đã khiến nhập khẩu hải sản của Trung Quốc giảm mạnh, giảm khoảng 13% trong năm 2020. Theo các nhà nhập khẩu của Trung Quốc nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này bên cạnh nhu cầu tiêu dùng trong nước giảm thì nguyên nhân không kém phần quan trọng khác đó là quy trình nhập khẩu trong giai đoạn này bị siết chặt và tốn nhiều thời gian thủ tục hơn. Từ 10-11 đến nay, Trung Quốc bắt đầu áp dụng chế độ kiểm soát, xông trùng và truy xuất nguồn gốc 100% lô hàng thủy sản đông lạnh tại hầu hết các cảng quan trọng như: Thượng Hải, Vũ Hán, Thiên Tân... Theo qui định mới, các lô

hàng thủy hải sản đông lạnh bao gồm cá tra phile sẽ phải lấy mẫu kiểm tra COVID-19 trên bao bì và sản phẩm ngay tại cảng. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại, thời gian từ khi lấy mẫu đến trả kết quả để thông qua vẫn chưa có hướng dẫn và thông tin rõ ràng khiến lượng hàng hóa bị ách tắc tại cảng rất lớn.

Trong 11 tháng đầu năm 2020 Trung Quốc đã nhập khẩu 9 triệu tấn ngô, đây là lượng ngô nhập khẩu lớn nhất từ trước đến nay của Trung Quốc, theo Dim Sums: Rural China Economics and Policy. Thêm 1,23 MMT nhập khẩu trong tháng 11 đã đẩy tổng số năm 2020 vượt xa hạn ngạch thuế quan thấp 7,2 MMT (TRQ).

Ngày 15/11, Trung Quốc đã cùng 14 nước Châu Á - Thái Bình Dương ký kết Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP). Đây là hiệp định thương mại đầu tiên giữa Trung Quốc và Nhật Bản. Việc thực hiện hiệp định RCEP khó có thể thay đổi hoạt động thương mại nông sản của Trung Quốc ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và sẽ có tác động nhỏ đến xuất khẩu nông sản của Hoa Kỳ sang Trung Quốc trong tương lai gần.

Hiệp định FTA giữa Trung Quốc và Campuchia ký kết vào ngày 12/10/2020 bao gồm các lĩnh vực như thương mại, du lịch, nông nghiệp, dịch vụ, thương mại điện tử, đầu tư, hợp tác kinh tế và kỹ thuật... Do Campuchia là thành viên của Khu vực thương mại tự do ASEAN-Trung Quốc, nên hầu hết hàng hóa xuất khẩu của nước này sang Trung Quốc đều được miễn thuế. Hiệp định này còn đưa 340 sản phẩm khác vào danh sách miễn thuế, bao gồm ớt tươi, ớt khô, hạt điều, tỏi, mật ong, thủy hải sản..., khiến tỷ lệ các mặt hàng được Trung Quốc miễn thuế cho Campuchia lên đến 97,53%. Các mặt hàng của Campuchia được hưởng thuế bằng 0 chiếm 90% trong toàn bộ danh mục thuế. Các loại hàng hóa mà Trung Quốc chú trọng như nguyên liệu và sản phẩm dệt may, sản phẩm điện máy, sản phẩm kim loại và phương tiện giao thông, đều được Campuchia đưa vào danh sách giảm thuế. Đây là mức cao nhất trong tất cả các cuộc đàm phán hiệp định thương mại tự do giữa hai bên từ trước đến nay. Hiện nay, Campuchia xuất khẩu hơn 10.000 loại sản phẩm sang Trung Quốc và Trung Quốc xuất khẩu hơn 8.000 loại sản phẩm sang Campuchia. Số liệu của Đại sứ quán Trung Quốc tại Phnom Penh cho thấy kim ngạch thương mại giữa hai nước trong năm 2019 là 9,42 tỷ USD, tăng 27,29% so với 7,4 tỷ USD năm 2018. Dự tính tổng kim ngạch thương mại giữa hai nước sẽ đạt 10 tỷ USD vào năm 2023. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) bình quân đầu người của Campuchia có thể đạt 1.771 USD vào năm 2021, cao hơn mức tương ứng 1.600 USD năm 2020.

Về xuất nhập khẩu Việt Nam và Trung Quốc, Trung Quốc là đối tác truyền thống, có kim ngạch nhập khẩu NLTS lớn thứ 2 của Việt Nam sau Hoa Kỳ. Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Trung Quốc tăng liên tục kể từ tháng 6, kim ngạch xuất khẩu tháng 11/2020 đạt 878 triệu USD, tăng 7,08% so với tháng 10/2020, và tăng 9,13% so với cùng kỳ.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Trung Quốc là rau quả, gỗ và các sản phẩm từ gỗ, sắt và các sản phẩm từ sắt, thủy sản, gạo, cao su. So với tháng 10 năm 2020, nhiều mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng cao như cao su, gạo tăng 25%, rau quả tăng 19%, gỗ và sản phẩm gỗ tăng 15%. Chỉ có 5 mặt hàng nông sản có kim ngạch xuất khẩu giảm là chè, thủy sản, hạt điều, sản phẩm từ cao su, thức ăn gia súc và nguyên liệu, trong đó giảm mạnh nhất là thủy sản với 27%. So với cùng kỳ, gạo tiếp tục là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng cao nhất (tăng 285%), tiếp đến là thức ăn gia súc và nguyên liệu tăng 50%, cao su tăng 36%, sản phẩm cao su tăng 32%... Trong khi đó, một số mặt hàng có kim ngạch giảm, đặc biệt thịt và các sản phẩm thịt giảm 97%, rau quả, thủy sản, cà phê giảm khoảng 12%. (chi tiết phụ lục đính kèm).

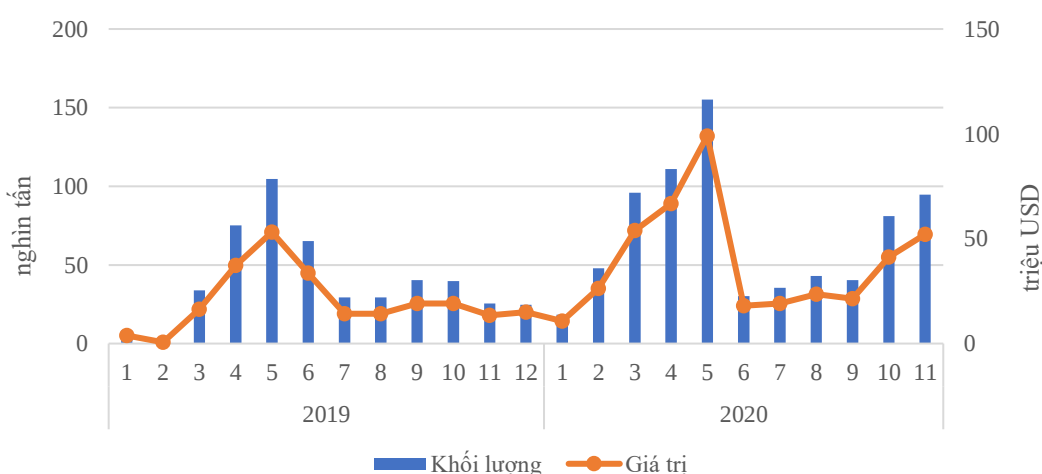
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 12/2020 của USDA, sản lượng gạo của Trung Quốc trong năm 2020 vẫn được dự báo là sẽ đạt khoảng 146,7 triệu tấn, giảm 1,76 triệu tấn so với năm trước. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu của Trung Quốc ước đạt 2,3 triệu tấn, giảm 500 nghìn tấn so với năm ngoái. Nguyên nhân chính là do dự trữ gạo của Trung Quốc hiện vẫn tương đối cao.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 11/2020, Việt Nam xuất khẩu được 94,7 nghìn tấn gạo, trị giá 52,1 triệu USD sang Trung Quốc tăng 16,9% về khối lượng và 26,3% về giá trị so với tháng 10/2020, và tăng 271,4% về khối lượng và 285,1% về giá trị so với cùng kỳ 2019. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 11 tháng đầu năm 2020 đạt 752,3 nghìn tấn, trị giá 431,7 triệu USD, tăng 66,2% về khối lượng và 91,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

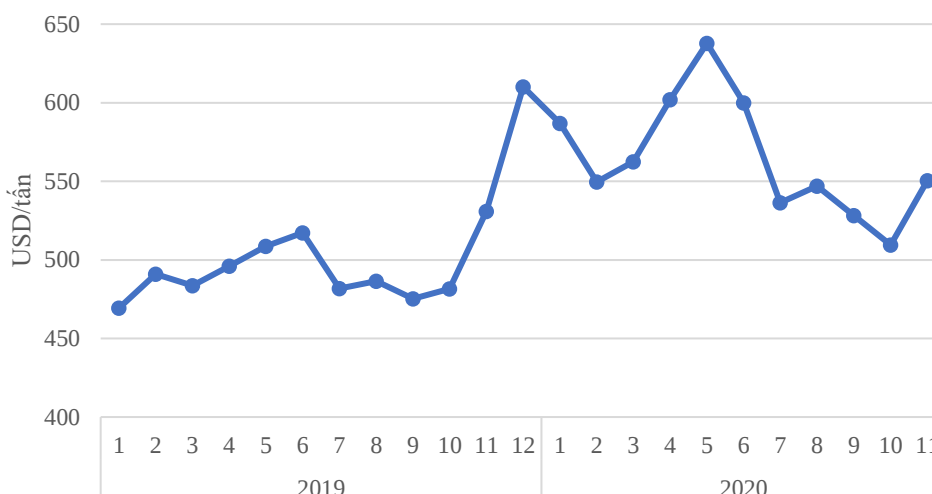
Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

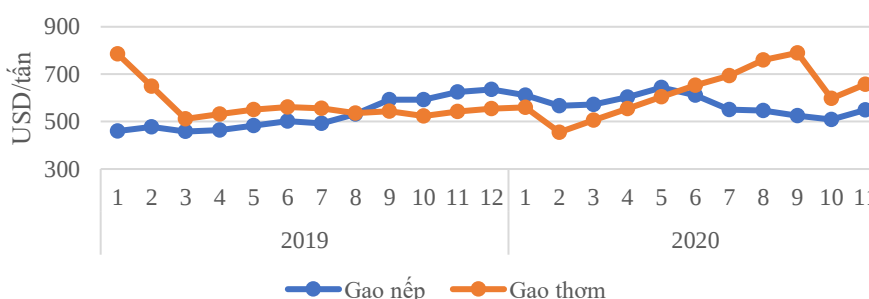
Trong tháng 11/2020, gạo nếp tiếp tục là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Trung Quốc đạt 89,5 nghìn tấn, trị giá 49,2 triệu USD (chiếm 94,5% về khối lượng và 94,4% về giá trị); so với tháng 11/2019, xuất khẩu gạo nếp sang Trung Quốc đã tăng 685,1% về khối lượng và 589,8% về giá trị.

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 11/2020 đạt 550,4 USD/tấn, tăng 8,0% so với tháng 10/2020, và 3,7% so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá các loại gạo chính xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc đều có xu hướng tăng trong tháng. Giá xuất khẩu gạo nếp tháng 11/2020 đạt trung bình 549,4 USD/tấn, tăng 8,1% so với tháng 10/2020 nhưng giảm 12,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá gạo thơm đạt 656,7 USD/tấn, tăng 9,9% so với tháng 10/2020 và 21,0% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc

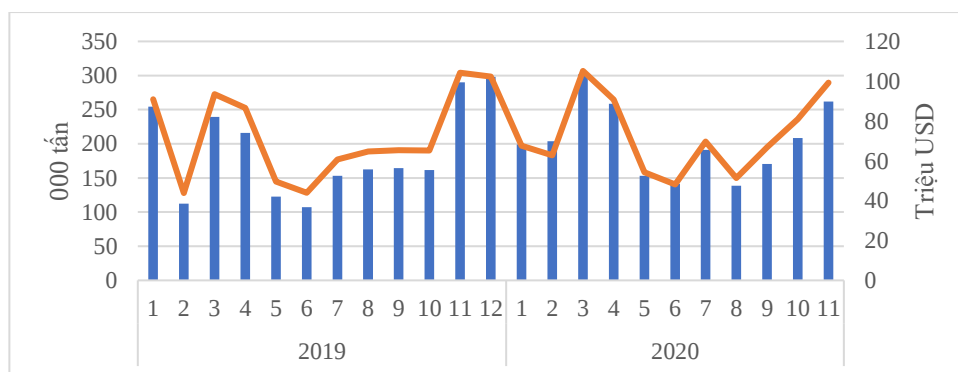
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 11/2020, top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là Tổng Công ty Lương thực miền Nam, Công ty TNHH Dương Vũ và Công ty TNHH Tân Thạnh An. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 24,2%, 17,2% và 13,8% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc trong tháng 11/2020. So với cùng kỳ năm 2019, kim ngạch xuất khẩu của các công ty này ước tính tăng trưởng như sau: Tổng Công ty Lương thực miền Nam tăng 382,9%, Công ty TNHH Dương Vũ tăng 71,7%, và Công ty TNHH Tân Thạnh An không xuất khẩu trong tháng 11/2019 nhưng có xuất khẩu trong tháng 11/2020.

2. SẢN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẢN

Trong tháng 11 năm 2020, xuất khẩu sản và sản phẩm sản của Việt Nam sang Trung Quốc tăng mạnh cả về giá trị và sản lượng. Lượng xuất khẩu đạt 261,8 nghìn tấn tương đương với giá trị đạt 99,2 triệu USD, tăng 26% về lượng và 23% về giá trị so với tháng 10 năm 2020. Giá xuất khẩu bình quân trong tháng 11 tiếp tục giảm nhẹ 2% so với tháng 10, đạt 379 USD/tấn. Nhìn chung 11 tháng đầu năm 2020, ngành sản Việt Nam đã đạt một mức tăng trưởng khá tốt bất chấp tác động của dịch Covid 19. Xuất khẩu 11 tháng đầu năm đạt 2,2 triệu tấn tương đương 797 triệu USD, tăng 12% về lượng và 4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 4: Giá trị, sản lượng xuất khẩu sản sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu sản lát sang Trung Quốc trong tháng 11 tăng mạnh về lượng nhưng lại giảm về giá trị và giá xuất khẩu. Cụ thể, lượng xuất khẩu đạt 36,3 nghìn tấn, tương đương 6 triệu USD, tăng 36% về lượng và giảm 9% về giá trị so với tháng 10 năm 2020. Giá xuất khẩu sản lát trong tháng 11 giảm mạnh 33% so với tháng trước, chỉ đạt 165 USD/tấn. Xuất khẩu sản lát 11 tháng đầu năm sang Trung Quốc đạt 101,5 triệu USD đây còn là con số đáng kinh ngạc khi trong cùng kỳ năm ngoái, giá trị xuất khẩu chỉ đạt 55,4 triệu USD. Hiện thị trường ngô Trung Quốc đang tăng giá tại 1 số tỉnh và cảng do điều kiện thời tiết xấu đã ảnh hưởng đến tiến độ sấy ngô vụ mới và cản trở việc vận chuyển ngô khiến nguồn cung khan hiếm. Bên cạnh đó tiêu thụ còn tại Trung Quốc trong dịp lễ tết cuối năm tăng cao sẽ đẩy xuất khẩu sản lát tiếp tục tăng trong thời gian tới.

Xuất khẩu tinh bột sản vẫn đang trên đà tăng trong tháng 11 năm 2020. Lượng xuất khẩu ghi nhận ở mức 225,4 nghìn tấn, với giá trị 93,2 triệu USD, tăng 24% về lượng và 25% về giá trị so với tháng 10 năm 2020. Giá xuất khẩu tinh bột sản vẫn tiếp tục tăng nhẹ lên 414 USD/tấn, tăng 1% so với tháng trước. Hiện Trung Quốc đang ưu tiên nhận các hợp đồng cũ còn lại và chưa chấp nhận mức giá mới của Việt

Nam. Hợp đồng kí mới vẫn ít nên khả năng trong tháng 12 lượng tinh bột sắn từ miền Trung và miền Nam đi theo đường biển sẽ giảm lại.

3. RAU QUẢ

Theo báo cáo của USDA, xu hướng sản xuất và tiêu thụ trái cây có múi tươi của Trung Quốc được dự báo sẽ tiếp tục tăng trong niên vụ 2020/21 lần lượt là 35,6 triệu tấn và 34 triệu tấn. Tuy nhiên, trong tương lai tốc độ tăng trưởng sản xuất dự kiến sẽ chậm lại khi giá cả giảm và nhu cầu tiêu dùng đạt đến ngưỡng bão hòa. Nhu cầu đối với trái cây có múi nhập khẩu trong niên vụ 2020/21 dự kiến vẫn ở mức thấp, giảm 25% so với mức Covid-19 trước đó, mặc dù sẽ tăng trở lại khi nền kinh tế phục hồi. Nhập khẩu và sản xuất nước cam ép đông lạnh thấp hơn cho thấy thách thức đối với ngành công nghiệp trong nước và dấu hiệu thay đổi sở thích của người tiêu dùng đối với trái cây tươi. Sản lượng cam trong niên vụ 2020/21 dự báo tăng lên 7,5 triệu tấn do số lượng cây mới trồng cách đây vài năm ở Giang Tây và các tỉnh khác bắt đầu cho trái nhiều hơn.

Theo Freshplaza.com, mùa hoa vải thiều mới của Trung Quốc đã cận kề, các vùng sản xuất đang phải đối mặt với thách thức do ảnh hưởng của La Niña. Diện tích trồng vải tại Trung Quốc chiếm khoảng 52,6% tổng diện tích sản xuất trên toàn cầu. Tổng sản lượng năm 2018 đạt mức cao kỷ lục 3 triệu tấn, chiếm khoảng 61,34% tổng sản lượng toàn cầu. Do năm 2018 đậu quả quá nhiều nên niên vụ 2019 cây chưa phục hồi hết, cộng với điều kiện thời tiết bất lợi đã khiến sản lượng bị sụt giảm nghiêm trọng. Trong mùa vụ 2020, tỷ lệ đậu trái đã phục hồi và người trồng hăng hái hơn, sản lượng đã tăng trở lại khoảng 2,55 triệu tấn. Châu Âu, Bắc Mỹ, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đông Nam Á và Trung Đông là các thị trường xuất khẩu vải chính của Trung Quốc. Vải thường được xuất khẩu bằng đường biển giá rẻ. Trong ba năm qua, các chuyến bay thuê đã trở nên thường xuyên hơn. Các chuyến bay này có thể rút ngắn thời gian vận chuyển từ 30 ngày xuống còn khoảng 2 ngày, đảm bảo tốt hơn độ tươi của quả vải và cải thiện đáng kể khả năng cạnh tranh của vải thiều Trung Quốc trên thị trường quốc tế. Hiện tại, các giống được vận chuyển bằng các chuyến bay thuê chủ yếu là các giống cao cấp như Xianjinfeng, Jinggang Hongnuo và Lingfengnuo. Các giống phổ biến như vải lá đen (Heiye), vải nụ cười của thiếp (Feizixiao) và Yuhebao vẫn chủ yếu được vận chuyển bằng đường biển.

Ngày 17/12/2020, Cục Xúc tiến thương mại Bộ Công Thương phối hợp với Ban Thư ký Hội chợ Trung Quốc – ASEAN (CAEXPO) tổ chức Hội nghị giao thương

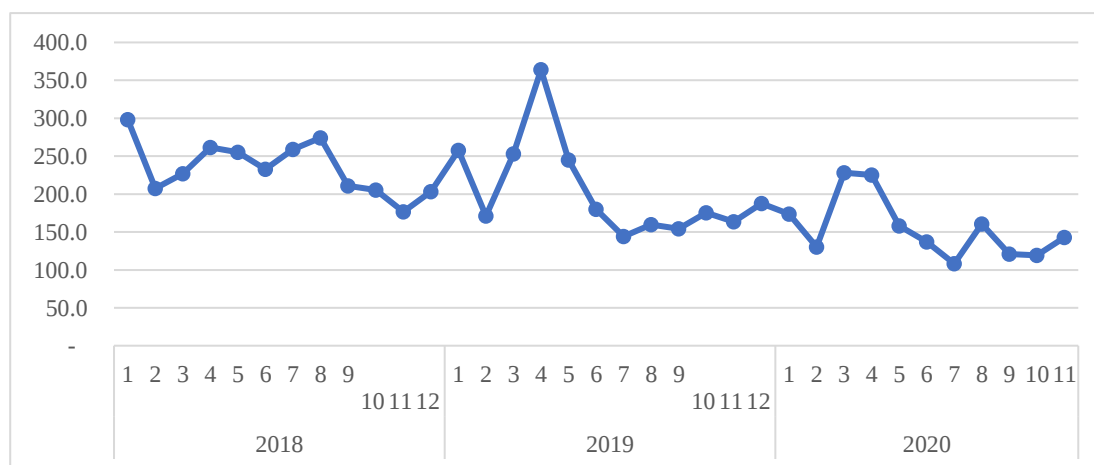
trực tuyến ngành hàng thực phẩm và đồ uống cho doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp Trung Quốc. CAEXPO đã trở thành một trong bốn hội chợ thương mại quốc tế tổng hợp lớn nhất Trung Quốc. Sự kiện nhằm kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam và Trung Quốc có cơ hội giao thương qua đó thúc đẩy hợp tác thương mại song phương. Trong suốt 16 kỳ hội chợ mà Việt Nam tham gia, nhiều sản phẩm đặc trưng và có nhiều lợi thế cạnh tranh như hạt điều, hoa quả sấy khô,... luôn được khách mua Trung Quốc yêu thích vì sự đa dạng, chất lượng và giá cả cạnh tranh.

Theo thông tin từ Vụ thị trường châu Á – châu Phi, chính quyền thành phố Bằng Tường (Quảng Tây, Trung Quốc) thông báo kéo dài thời gian thông quan tại một số cửa khẩu, cặp chợ trên địa bàn từ ngày 2 đến 31-12-2020. Cụ thể, cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, lối thông quan hàng hóa chuyên dụng Tân Thanh - Pò Chải, cặp chợ Cốc Nam kéo dài thời gian thông quan từ 8 giờ đến 20 giờ hàng ngày (giờ Bắc Kinh), bao gồm cả ngày cuối tuần và ngày lễ. Riêng cửa khẩu phụ Na Hình thời gian thông quan cũng kéo dài từ 8 giờ đến 20 giờ nhưng không bao gồm ngày cuối tuần và ngày lễ.

Tuy nhiên, theo Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng – Lạng Sơn cho biết, do thiếu hụt lực lượng lao động xếp dỡ hàng hóa bởi yêu cầu gặt gao trong phòng chống Covid-19, thời gian làm thủ tục thông quan hàng xuất khẩu của Việt Nam bên phía Trung Quốc tại khu vực Tân Thanh – Pò Chải bị kéo dài.

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc tháng 11 năm 2020 đạt 143 triệu USD, chiếm 54,7% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 19,9% so với tháng trước (đạt 119,2 triệu USD) và giảm 12,5% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 163,5 triệu USD). Giá trị xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc trong 11 tháng đầu năm 2020 đạt 1,7 tỷ USD, giảm 24,5% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 2,2 tỷ USD).

Hình 5: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc

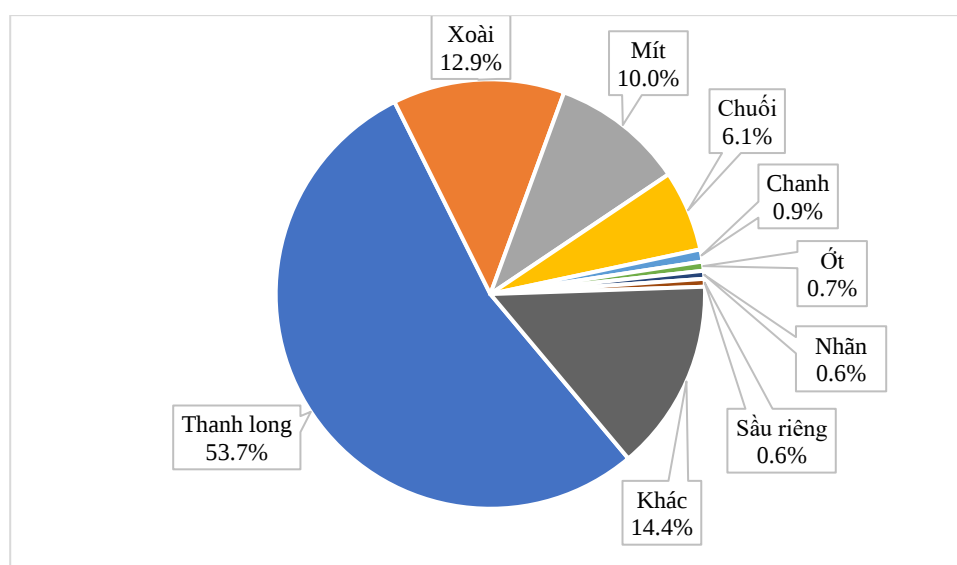


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 11 năm 2020, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 120 triệu USD (chiếm 83,9% thị phần, giảm 14,1% so với cùng kỳ năm 2019) và rau quả chế biến đạt 21,3 triệu USD (chiếm 14,9%, giảm 2,4%). So sánh với cùng kỳ năm 2019, mặt hàng trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS.2008) đạt 19,1 triệu USD, tăng 6,2%; nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 1,5 triệu USD, giảm 26,2%; mứt rau, quả (mã HS.2006) đạt 641,4 nghìn USD, giảm 30,3%; ...

Trong tháng 11 năm 2020, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất bao gồm thanh long đạt 76,5 triệu USD (chiếm 53,5% tổng giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này, giảm 3,9% so với cùng kỳ năm 2019); xoài đạt 18,4 triệu USD (chiếm 12,9%, giảm 1,4%); mít đạt 14,2 triệu USD (chiếm 10%, tăng 10,9%); chuối đạt 8,7 triệu USD (chiếm 6,1%, giảm 16,1%), chanh đạt 1,3 triệu USD (chiếm 0,9%, giảm 45,1%); ...

Hình 6: Cơ cấu các loại rau quả chính xuất khẩu sang Trung Quốc tháng 11/2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Trung Quốc tháng 11 năm 2020 đạt 40,5 triệu USD, chiếm 35,8% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 35 triệu USD). Giá trị nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc trong 11 tháng đầu năm 2020 đạt 318,2 triệu USD, giảm 24,3% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 420,4 triệu USD). Trong tháng 11/2020, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là tỏi đạt 7,7 triệu USD (chiếm 19,1%, tăng 28,7% so với cùng kỳ năm trước); nấm các loại đạt 5,9 triệu USD (chiếm 14,6%, giảm 24,9%); cà rốt đạt 2,9 triệu USD (chiếm 7,1%, tăng 15,6%); khoai tây đạt 2,2 triệu USD (chiếm 5,5%,

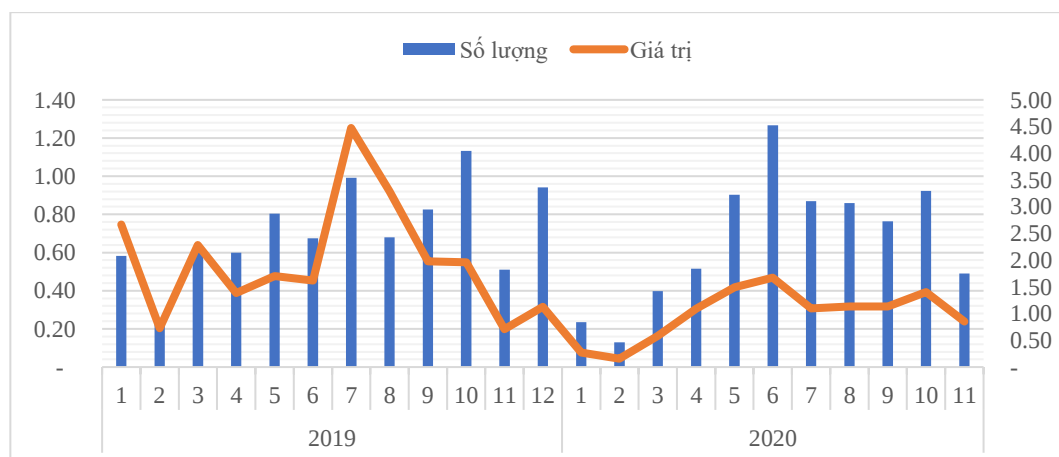
tăng 17,6%); quýt đạt 2,2 triệu USD (chiếm 5,4%, tăng 399%); táo đạt 2,1 triệu USD (chiếm 5,2%, tăng 44,4%);

Trong tháng 11/2020, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là Công ty Cổ phần Thực phẩm Dân Ôn, Công ty TNHH Export H&T và Công ty TNHH XNK Yuelaimei với tỷ trọng xuất khẩu lần lượt là 5,2%; 3,8% và 3%. So sánh với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Công ty Cổ phần Thực phẩm Dân Ôn tăng 190,4%, Công ty TNHH XNK Yuelaimei tăng 544,4%. Trong khi đó, Công ty TNHH Export H&T không xuất khẩu trong tháng 11/2019, nhưng đã đẩy mạnh xuất khẩu được trong 11/2020.

5. CHÈ

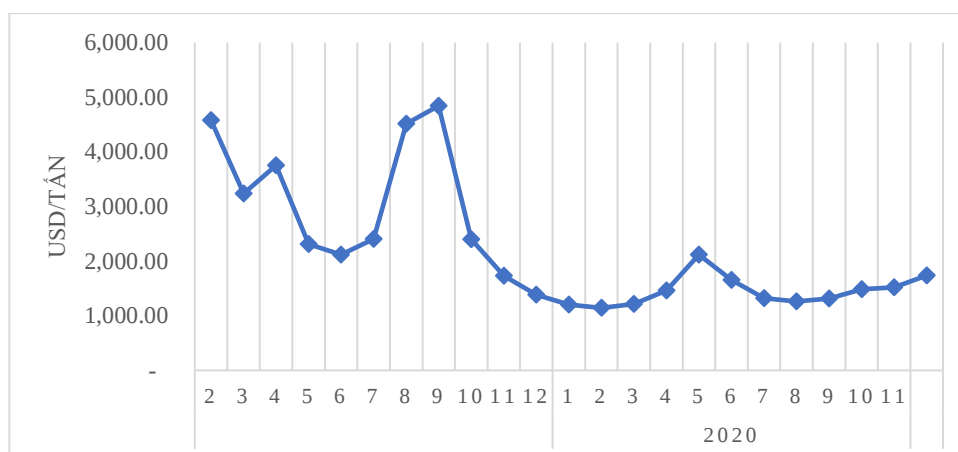
Trong 11 tháng đầu năm 2020, chịu tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19, xuất khẩu chè sang nhiều thị trường giảm mạnh, đặc biệt là thị trường Trung Quốc. Tổng 11 tháng đầu năm 2020, xuất chè sang Trung Quốc đạt 7,4 nghìn tấn, tương đương 10,9 triệu USD, giảm 4% về khối lượng nhưng giảm đến 52% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 7: Khối lượng và giá trị xuất khẩu chè sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trung bình xuất khẩu chè sang thị trường này tăng nhẹ trong tháng 11/2020. Cụ thể, giá xuất khẩu chè bình quân sang thị trường này trong tháng 11/2020 đạt 1.736 USD/tấn, tăng 14% so với tháng 10/2020.

Hình 8: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

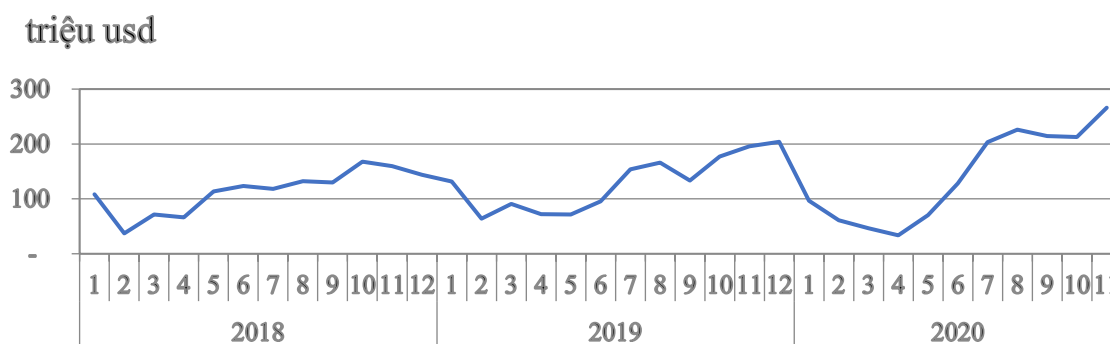
Do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 trên thị trường toàn cầu làm gián đoạn hoạt động sản xuất và xuất khẩu của các thị trường chính, nhu cầu tiêu thụ giảm, nguồn cung tăng gây áp lực giảm giá chè. Chính vì vậy, xuất khẩu chè của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc giảm trong 11 tháng năm 2020.

Chè của Việt Nam đang bị cạnh tranh về giá bán, được trả giá rất thấp, nhưng giá vận chuyển lại cao. Nhiều doanh nghiệp phản ánh hàng trăm container không thể xuất khẩu được. Vì vậy nên khuyến khích tiêu thụ nội địa, giảm xuất khẩu, nên là định hướng cho các doanh nghiệp chè trong thời gian khó khăn trong việc xuất khẩu

5. CAO SU

Kinh tế Trung Quốc - nước tiêu thụ cao su hàng đầu thế giới – được dự báo sẽ tiếp tục cải thiện, nhất là vào năm 2021, từ đó đẩy nhu cầu cao su thiên nhiên tăng theo, trong khi nguồn cung có thể bị gián đoạn do yếu tố thời tiết.

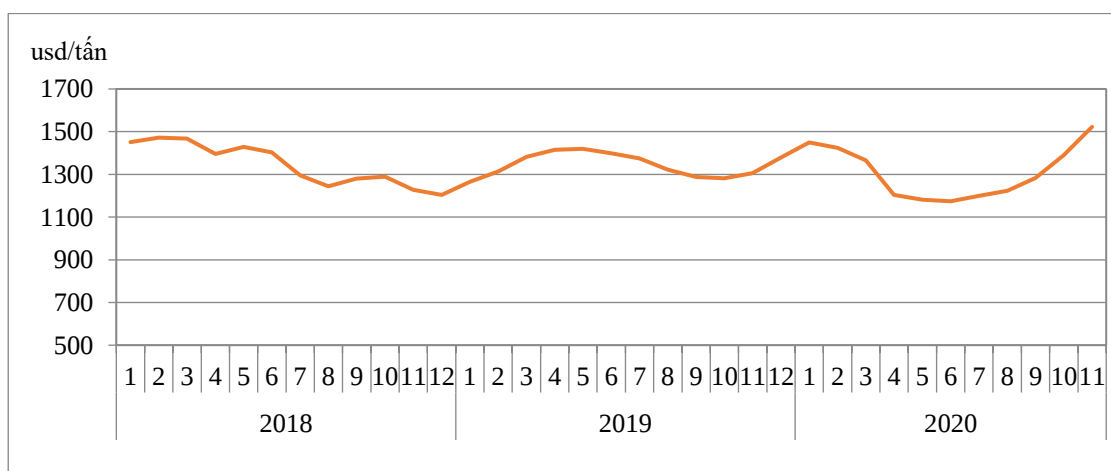
Dự báo nhu cầu đối với cao su sẽ tăng khi các hãng ô tô đẩy tăng sản lượng. Tiêu thụ ô tô ở Trung Quốc đã tăng 13% trong tháng 9/2020 so với cùng kỳ năm ngoái. Hãng Nissan Motor Co. có kế hoạch đẩy tăng sản lượng ở Trung Quốc thêm khoảng 30% vào năm 2021, theo báo Yomiuri. Trung Quốc đang nổi lên trở thành điểm sáng của ngành ô tô, giữa bối cảnh đại dịch Covid-19 làm giảm nhu cầu ở Mỹ và Châu Âu.

Hình 9. Giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang Trung Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trên thực tế, đà hồi phục kinh tế của Trung Quốc - sau đại dịch Covid-19 - tiếp diễn trong quý III/2020, và trong tháng 9/2020 có nhiều dấu hiệu rất tích cực, cho thấy đà tăng sẽ còn tiếp diễn mạnh mẽ hơn trong những quý tiếp theo. Trung Quốc được đánh giá là nền kinh tế lớn duy nhất trên thế giới tránh được suy thoái trong năm nay, và nước này vẫn đang kiểm soát tốt dịch bệnh, trở thành động lực chính của tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Kinh tế phục hồi, thúc đẩy thương mại với các đối tác trong đó có Việt Nam. Riêng đối với mặt hàng cao su, ước tính, trong tháng 11/2020, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Trung Quốc đạt 174,76 nghìn tấn, trị giá 266,07 triệu USD, tăng 16,70% về lượng và tăng 36,03% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Nếu so với tháng 10/2020, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Trung Quốc tăng 14,34% về lượng và 25,24% về giá trị. Tính lũy kế 11 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Trung Quốc khoảng 1,56 triệu tấn, trị giá 1,19 tỷ USD, tăng 16,85% về lượng và tăng 15,25% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 10: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu bình quân sang Trung Quốc

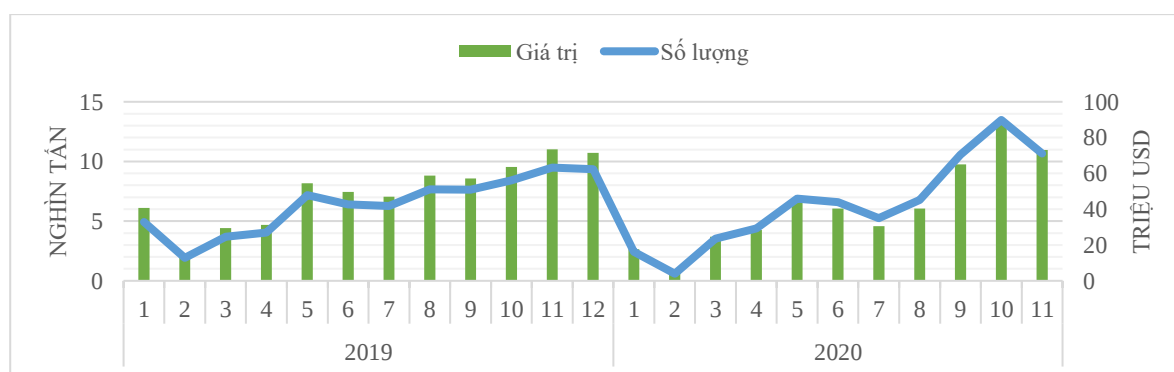
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Nguyên nhân giá cao su thể giới phục hồi chủ yếu đến từ thiếu nguồn cung bởi mùa mưa tại Thái Lan và hiệu quả khai thác mỏ thấp do áp lực thiếu hụt lao động do giãn cách dịch Covid-19. Thông tin sản xuất công nghiệp của Trung Quốc trong tháng 10 cũng tăng mạnh hơn dự đoán. Đà tăng cao su Trung Quốc đã xuất hiện khi nhu cầu sản xuất ổn định và nguồn cung ở các nước Đông Nam Á vẫn thắt chặt. Capital Economics cho biết nhu cầu cao su nguyên liệu đang tăng tại Trung Quốc. Doanh số bán ô tô của thị trường này tăng mạnh, lượng mua tăng 12,5% so với tháng 10/2019. Ước tính, giá cao su xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc trong tháng 11/2020 bình quân khoảng 1.522 USD/tấn, tăng 9,53% so với tháng 10/2020 và tăng 16,56% so với cùng kỳ năm 2019.

6. HẠT ĐIỀU

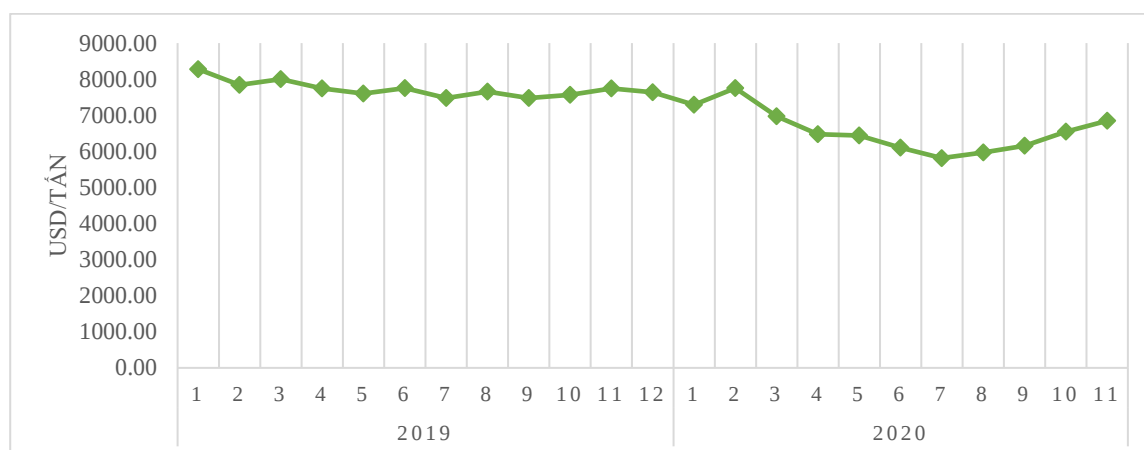
Trong tháng 11 năm 2020 xuất khẩu điều nhân sang thị trường Trung Quốc đạt 10,670 nghìn tấn với giá trị 73,1 triệu USD, có xu hướng giảm so với tháng 10 năm 2020, giảm 21% về lượng và 17% về giá trị. Mặc dù vậy tính chung 11 tháng đầu năm 2020, tổng xuất khẩu điều nhân của Việt Nam sang thị trường này mặc dù có tăng về lượng, vẫn giảm đáng kể về giá trị so với năm 2019, cụ thể đạt 71,2 nghìn tấn, tương đương 457,7 triệu USD, tăng 5% về lượng nhưng giảm 12% về giá trị.

Hình 11: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều nhân sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu điều nhân trung bình sang thị trường này trong tháng 11/2020 đạt 6.848 USD/tấn, tăng 5% so với tháng 10/2020, nhưng giảm 12% so với cùng kỳ năm 2019. Tính chung 11 tháng đầu năm 2020, giá xuất khẩu điều nhân trung bình sang Trung Quốc đạt 6.848 USD/tấn (tương đương 15%) so với cùng kỳ năm 2019. Hiện tại, các nhà máy đang tập trung bán cho thị trường này với giá giao dịch cho mã WW320 giao động từ 6.300 đến 7.800 USD/tấn FOB cho các loại có chất lượng khác nhau.

Hình 12: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Mặc dù trong những tháng đầu năm lượng điều nhân nhập khẩu vào thị trường Trung Quốc sụt giảm mạnh. Nhưng Trung Quốc đã bắt kịp và hiện đã vượt mức nhập khẩu của năm 2019, đã cho thấy mức tăng trưởng mạnh mẽ so với năm trước.

7. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Theo chuyên gia của Bộ Nông nghiệp và Nông thôn Trung Quốc, số lượng lợn dự trữ của Trung Quốc tính đến hết tháng 10/2020 là 387 triệu con, tăng 27% so với cùng kỳ năm 2019, lượng dự trữ liên tục tăng trong 9 tháng qua. Sản lượng lợn của nước này hiện đã bằng 88% so với cuối năm 2017 (khi chưa bùng phát dịch tả lợn châu Phi). Dựa trên xu hướng tăng trưởng này, dự kiến vào quý 2/2021 sản lượng lợn sẽ phục hồi như những năm trước khi bùng phát dịch ASF, sự phục hồi này có lẽ nhanh hơn nhiều so với kỳ vọng của thế giới. COVID-19 đang làm ảnh hưởng lớn đến hoạt động thương mại giữa Anh và Trung Quốc. Hiện các container thịt lợn xuất khẩu của Anh đang bị giữ tại các cảng của Trung Quốc để kiểm tra COVID-19 gây ra tình trạng tồn đọng container tại cảng. Một số công ty của Anh đã ngừng xuất khẩu sang Trung Quốc và nhiều khả năng sẽ giảm sản lượng. Hiện nông dân Trung Quốc đang đẩy mạnh bán lợn hơi ra thị trường. Theo số liệu thống kê chính thức, trong tuần kết thúc vào ngày 5/12/2020, giá lợn con tại Trung Quốc là 84 nhân dân tệ/kg (tương đương 9,66 bảng Anh), giảm so với mức 116 nhân dân tệ/kg (13,35 bảng Anh) vào cuối tháng 9/2020 do nguồn cung tăng.

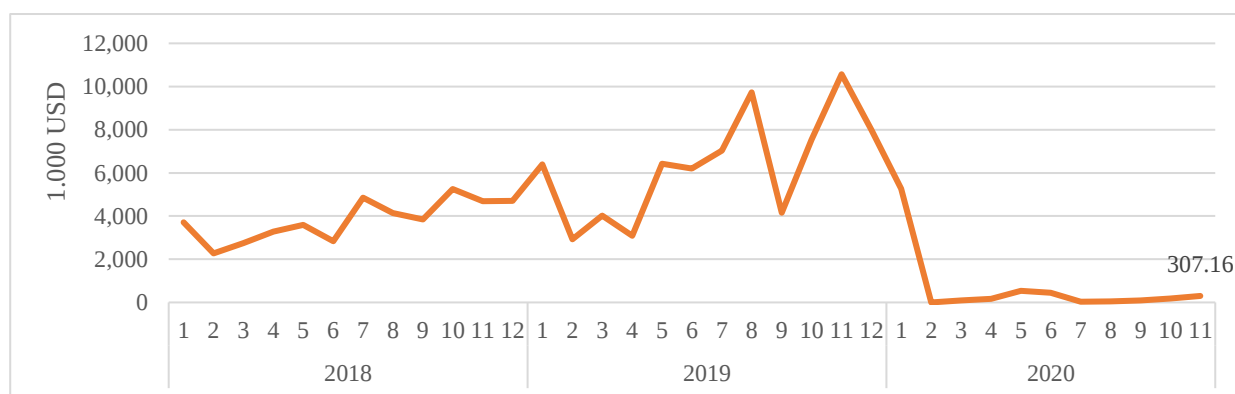
Theo hãng Reuters (Anh), ngày 7/12, Tổng cục Hải quan Trung Quốc thông báo tạm dừng nhập khẩu thịt bò của công ty Meramist Pty Ltd (Australia). Đến nay,

Meramist Pty Ltd là nhà cung cấp thịt bò thứ 6 của Australia phải tạm dừng xuất khẩu sang thị trường đông dân nhất thế giới trong năm nay. Trước đó, Trung Quốc đã ra lệnh cấm nhập khẩu thịt bò đối với 5 công ty khác của Australia với các lý do liên quan tới vấn đề nhãn mác và kiểm dịch.

Tại Việt Nam, giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Trung Quốc tháng 11/2020 chỉ đạt 307,16 nghìn USD, chiếm 3,0% tổng giá trị xuất khẩu thịt trong tháng 11 của Việt Nam, tăng 75,4% so với tháng trước và giảm 97,1% so với cùng kỳ năm 2019 (10,57 triệu USD). Giá trị xuất khẩu sang thị trường này 11 tháng đầu năm 2020 đạt 7,16 triệu USD, giảm 87,5% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 68,05 triệu USD).

Trong tháng 11/2020, các thịt và các sản phẩm từ thịt Việt Nam xuất sang Trung Quốc chỉ có nhóm sản phẩm thịt và các phụ phẩm dạng thịt chế biến gồm các sản phẩm như chân lợn nấu chín, chân gà rút xương, khô bò, khô gà..., chiếm 92,24% và các loại phụ phẩm ăn được sau giết mổ khác. Có 4 doanh nghiệp được ghi nhận có hoạt động xuất khẩu trong tháng này, trong đó gồm các công ty: công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Hoàng Tiến, công ty TNHH Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Quảng Ninh, công ty Cổ phần Hoàng Thái đều chiếm khoảng 30% tổng giá trị xuất khẩu và công ty TNHH Công ty tôi (chiếm 8,9%).

Hình 13: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu thịt và sản phẩm thịt trong tháng 11/2020 của Việt Nam từ Trung Quốc đạt 521,69 nghìn USD, giảm 41,2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 11 tháng đầu năm 2020, giá trị nhập khẩu đạt 5,41 triệu USD, tăng giảm 0,2% so với cùng kỳ năm 2019.

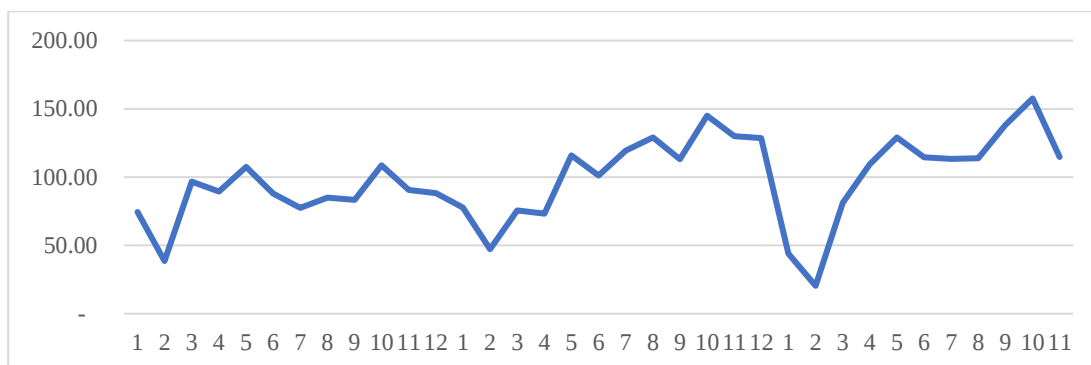
8. THỦY SẢN

Theo VASEP, từ 10-11 đến nay, Trung Quốc bắt đầu áp dụng chế độ kiểm soát, xông trùng và truy xuất nguồn gốc 100% lô hàng thủy sản đông lạnh tại hầu hết các cảng quan trọng như: Thượng Hải, Vũ Hán, Thiên Tân... Theo qui định mới, các lô hàng thủy hải sản đông lạnh bao gồm cá tra phile sẽ phải lấy mẫu kiểm tra COVID-19 trên bao bì và sản phẩm ngay tại cảng. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại, thời gian từ khi lấy mẫu đến trả kết quả để thông qua vẫn chưa có hướng dẫn và thông tin rõ ràng khiến lượng hàng hóa bị ách tắc tại cảng rất lớn.

Theo Undercurrentnews, người tiêu dùng ở Trung Quốc lo ngại rằng hải sản nhập khẩu có thể bị nhiễm virus COVID-19 đã khiến nhập khẩu hải sản của Trung Quốc giảm mạnh, giảm khoảng 13% trong năm 2020. Theo các nhà nhập khẩu của Trung Quốc nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này bên cạnh nhu cầu tiêu dùng trong nước giảm thì nguyên nhân không kém phần quan trọng khác đó là quy trình nhập khẩu trong giai đoạn này bị siết chặt và tốn nhiều thời gian thủ tục hơn.

In-đô-nê-xi-a lên kế hoạch tăng 250% trị giá xuất khẩu tôm của nước này vào năm 2024. Trong 5 năm tới, In-đô-nê-xi-a đặt mục tiêu phát triển các khu vực ao nuôi tôm mới theo cụm để nâng cao năng suất và có thể nuôi đa loài như cá rô phi, rong biển, cá tráp và một số loài khác. Ủy ban tư vấn nghề cá In-đô-nê-xi-a cho rằng số ao nuôi tôm của nước này có thể tăng 2,5 lần vào năm 2024, theo đó sản lượng có thể đạt 1,2 triệu tấn với giá trị đạt từ 2,1 – 6,4 tỷ USD. Hiện giá trị xuất khẩu tôm của In-đô-nê-xi-a đứng sau Ấn Độ, Ê-cu-a-đo và Việt Nam.

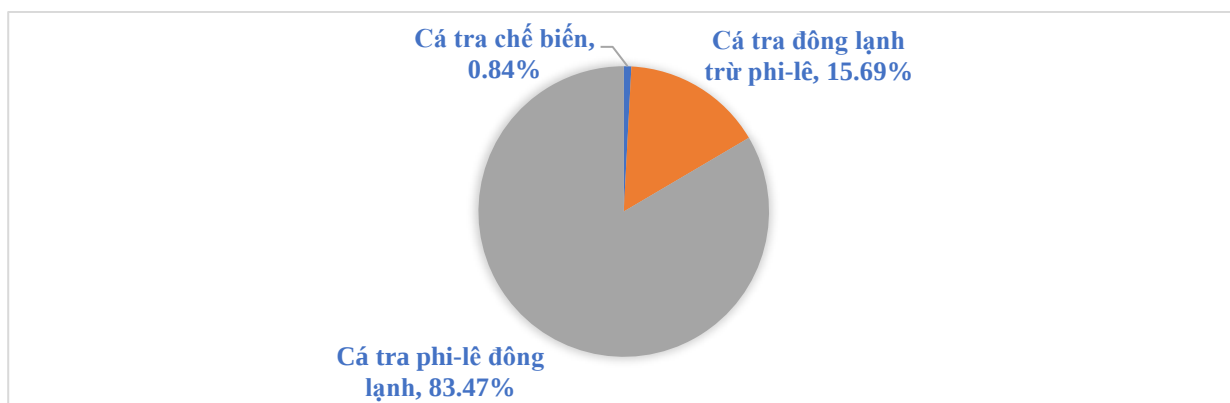
Theo Tổng cục Hải quan, 11 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc đạt 1,14 tỷ USD tăng 0,72% so với cùng kỳ năm 2019, chiếm 14,35% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước. Tính riêng tháng 11/2020, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt 114,84 triệu USD, giảm 11,67% so với cùng kỳ năm 2019. Cá tra và tôm vẫn là 2 mặt hàng xuất khẩu chính: tôm chiếm 28,38%; cá tra chiếm 46,87%.

Hình 14: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đối với mặt hàng tôm, giá trị xuất khẩu tôm tháng 11 năm 2020 đạt, 32,57 triệu USD, giảm 30,99% so với cùng kỳ năm 2019 đưa giá trị xuất khẩu tôm 11 tháng đầu năm sang thị trường này đạt 421,24 triệu USD, tăng 2,38%. Tuy nhiên, giá trị xuất khẩu tôm sú và tôm thẻ chân trắng sang thị trường vẫn đang có xu hướng giảm trong tháng này. Cụ thể, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng đạt 17,03 triệu USD, chiếm 52,30% tổng giá trị tôm xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, giảm 61,81% so với cùng kỳ năm 2019; giá trị xuất khẩu tôm sú đạt 7,33 triệu USD, chiếm 22,50%, giảm 3,58%; giá trị xuất khẩu tôm loại khác đạt 8,33 triệu USD, chiếm 25,20%, tăng 10,9 lần so với năm 2019.

Mặt hàng cá tra, giá trị xuất khẩu tháng 11 năm 2020 đạt 53,83 triệu USD, giảm 11,61% so với cùng kỳ năm 2019, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu cá tra sang thị trường này 11 tháng/2020 đạt 435,67 triệu USD, giảm 18,46% so với cùng kỳ năm trước. Tính riêng tháng 11/2020, giá trị xuất khẩu cá tra sống/tươi/đông lạnh/ khô trừ phi-lê sang thị trường Trung Quốc đạt 8,44 triệu USD, tăng 29,22% so với cùng kỳ năm 2019; Cá tra chế biến đạt 0,45 triệu USD, giảm 57,66%; Cá tra phi-lê đạt 44,93 triệu USD, giảm 15,69%.

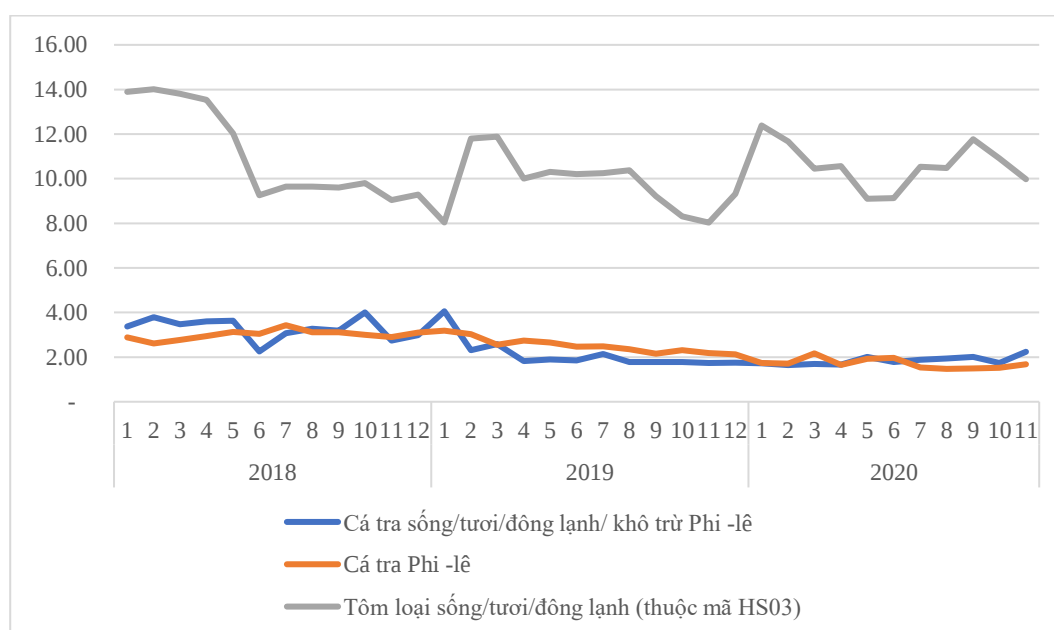
Hình 15: Cơ cấu xuất khẩu cá tra sang thị trường Trung Quốc tháng 11/2020

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc như sau: Mực và bạch tuộc đạt 4,18 triệu USD, tăng 38,23% so với cùng kỳ năm 2019; Cua-ghe đạt 4,94 triệu USD, tăng 2,53 lần; Các loại thủy sản khác đạt 19,05 triệu USD, tăng 76,48%; cá ngừ đạt 0,27 triệu USD, giảm 16,67%

Giá cá tra phi lê tháng 11/2020 đạt trung bình 1,68 USD/kg giảm 23,24% so với cùng kỳ năm 2019; Cá tra tươi, sống đông lạnh trừ phi lê đạt trung bình 2,24 USD/kg; tăng 28,23%; Tôm các loại thuộc mã HS 03 đạt trung bình 9,97 USD/kg, tăng 24,20%.

Hình 16: Giá xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

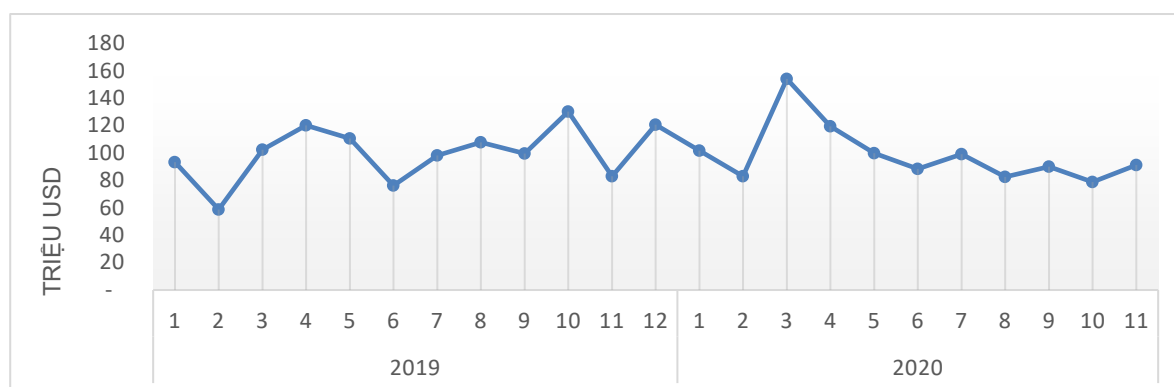
Tháng 11 năm 2020, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là Công Ty TNHH Một Thành Viên Sản Xuất Thương Mại Anh Nhân đạt 5,49 triệu USD, chiếm 4,78% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công cổ phần và đầu tư thương mại phát triển I.D.I đạt 4,30 triệu USD chiếm 3,74%; Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn đạt 4,18 triệu USD chiếm 3,64%.

9. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

Trung Quốc là thị trường quan trọng trong xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ (gỗ & SP gỗ) của Việt Nam (là thị trường đứng thứ 3 và chiếm 10,2% trong tổng giá trị xuất khẩu gỗ & SP gỗ của Việt Nam trong 11 tháng đầu năm 2020).

Xuất khẩu gỗ & SP gỗ của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc trong tháng 11 năm 2020 đạt 91,1 triệu USD, tăng 15,7% so với tháng 10. Cộng dồn 11 tháng đầu năm 2020, tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ & SP gỗ của Việt Nam sang thị trường này đạt hơn 1,09 tỷ USD, tương đương so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 17: Giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc

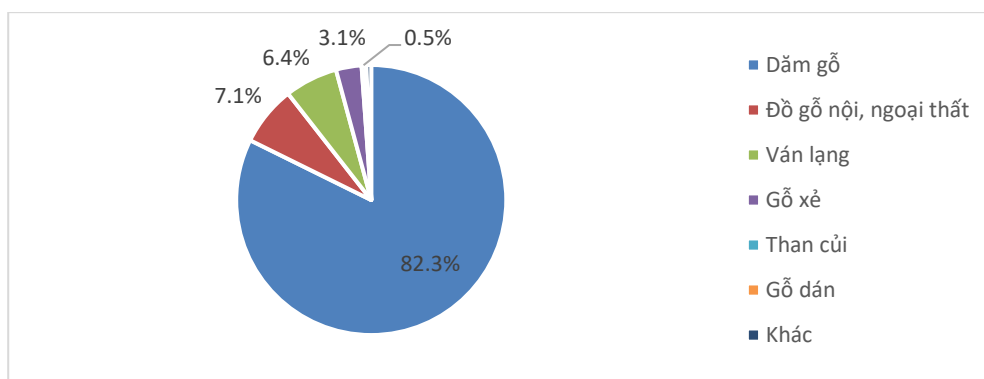


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Một số sản phẩm chứng kiến sự tăng về giá trị xuất khẩu trong 11 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019 như: Dăm gỗ (tăng hơn 47,3 triệu USD, tương đương 5,6%); Ván lạng (tăng 30,5 triệu USD, tương đương 80,6%); Còn lại, đa phần các mặt hàng khác đều chứng kiến xu hướng giảm về giá trị xuất khẩu như: đồ gỗ nội, ngoại thất giảm 25,4% (tương đương giảm 26,1 triệu USD), gỗ dán giảm 91,1% (tương đương giảm 9,7 triệu USD), than củi giảm 42,9% (tương đương giảm 3,95 triệu USD), gỗ xẻ giảm 10,1% (tương đương giảm 3,7 triệu USD).

Về cơ cấu các mặt hàng: Xuất khẩu gỗ & SP gỗ của Việt Nam sang Trung Quốc trong 11 tháng đầu năm 2020 chủ yếu là dăm gỗ chiếm 82,3% tổng kim ngạch xuất khẩu, tiếp đến là đồ gỗ nội, ngoại thất (chiếm gần 7,1% tổng kim ngạch), ván lạng (chiếm 6,4% kim ngạch) và gỗ xẻ (chiếm 3,1% kim ngạch), còn lại là các mặt hàng khác.

Hình 18. Cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam xuất khẩu vào Trung Quốc 11 tháng đầu năm 2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Trong tháng 11/2020, Trung Quốc tiếp tục tích trữ gạo nếp để chuẩn bị cho dịp Lễ tết cuối năm 2020 cũng như đầu năm 2021. Gạo nếp xuất khẩu sang thị trường này đã tăng rất mạnh trong tháng và đóng góp chủ đạo vào việc tăng trưởng tổng kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường này. Dự báo, việc xuất khẩu sẽ tiếp tục tăng cho đến trước Tết Âm lịch vào tháng 2/2021.

2. Sản và sản phẩm từ sản

Những tác động của dịch Covid-19 trong đầu năm 2020 đã khiến ngành sản Việt Nam gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên xuất khẩu sản và sản phẩm sản sang Trung Quốc đã lấy lại đà tăng trưởng sau khi dịch bệnh được kiểm soát và trở thành một trong số ít mặt hàng nông sản có giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng dương. Dự báo đến hết năm 2020, xuất khẩu sản và sản phẩm sản sang Trung Quốc vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng tốt do được hậu thuẫn bởi yếu tố cầu tăng cao và nguồn cung hạn hẹp.

3. Rau quả

Dự báo, triển vọng xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc trong tháng tới sẽ tăng cao hơn những tháng vừa qua do nhu cầu nhập khẩu của Trung Quốc thường tăng lên vào dịp cuối năm. Tuy nhiên, hiện nay Trung Quốc siết chặt thương mại nông sản theo hình thức trao đổi biên mậu và nâng cao hàng rào về kiểm dịch thực vật, đề ra những quy định ngày càng khắt khe hơn đối với hàng nông sản nhập khẩu nói chung và rau quả nói riêng. Vì vậy, các doanh nghiệp cần nghiêm túc tuân thủ quy định của thị trường Trung Quốc, nếu không sẽ rất dễ đánh mất thị trường. Theo đó, nhanh chóng thực hiện các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc; chứng nhận VietGAP, GlobalGAP...; đồng thời không ngừng cải tiến mẫu mã để chinh phục thị hiếu đa dạng của người tiêu dùng Trung Quốc.

Tuy nhiên, trong thời gian tới, một số loại trái cây xuất khẩu của Việt Nam như thanh long, dưa hấu chuẩn bị bước vào cao điểm thu hoạch và xuất khẩu phục vụ nhu cầu các dịp lễ lớn của thị trường Trung Quốc như Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán, Tết Nguyên tiêu... Nếu tốc độ thông quan chưa được cải thiện và hạn chế về kho bãi sẽ dẫn đến tình trạng ùn ứ rất lớn. Vì vậy, các doanh nghiệp xuất khẩu, các địa phương có vùng trồng nông sản lớn cần theo dõi sát tình hình thông quan hàng hóa xuất khẩu tại các cửa khẩu biên giới Việt – Trung; chủ động điều tiết lượng hàng lên biên giới và phối hợp với người mua phía Trung Quốc xây dựng kế hoạch giao hàng phù hợp, tránh để xảy ra hiện tượng ùn ứ hàng hóa xuất khẩu tại cửa khẩu.

4. Điều

Dự báo xuất khẩu điều nhân của Việt Nam sang Trung Quốc trong sẽ tăng nhẹ sau khi tụt giảm trong tháng 11 vì khó khăn trong vận chuyển hàng hóa. Giá điều nhân dự kiến cũng sẽ tăng nhẹ trong thời gian tới do nguồn cung điều nhân ở Việt Nam không còn nhiều, các nhà chế biến cũng rất thận trọng trong việc nhập điều thô, vì giá điều thô hiện tại không cân đối được với giá điều nhân.

5. Điều

Triển vọng xuất khẩu chè trong năm 2021 sang thị trường Trung Quốc vẫn chưa có nhiều dấu hiệu khả quan, bởi dịch Covid-19 vẫn diễn biến khó lường, sản lượng chè tại các nước sản xuất chính tăng nhờ thời tiết thuận lợi như Ấn Độ và Kenya, trong khi nhu cầu vẫn chưa được cải thiện. Xu hướng xuất khẩu sẽ tiếp tục ảm đạm nếu tình hình dịch Covid-19 vẫn chưa được khống chế.

6. Cao su

Về nguồn cung, sản lượng cao su ở Trung Quốc có thể giảm 30% trong năm 2020 so với năm trước do những trận bão lớn ở đảo Hải Nam và hạn hán ở Vân Nam làm thiệt hại nghiêm trọng tới cây cao su.

Dự báo Trung Quốc sẽ tiêu thụ 1,38 triệu tấn cao su trong quý IV/2020, gần sát mức 1,40 tấn của cùng kỳ năm 2019; và tổng khối lượng cao su nhập khẩu vào nước này trong năm 2020 sẽ tăng 1,6% so với năm 2019. Nhu cầu cao su ở Trung Quốc đã tăng nhanh sau khi các chính quyền địa phương bắt đầu kích thích sử dụng xe ô tô nhỏ, từ đó thúc đẩy các hãng sản xuất lốp xe tăng sản lượng gấp 3 lần.

Nguồn cung cao su giảm, trong khi tiêu thụ được dự báo duy trì sẽ thúc đẩy thương mại và giá cao su xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc. Dự báo, trong những tháng cuối năm 2020, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Trung Quốc sẽ tiếp tục tăng.

7. Thủy sản

Từ giữa tháng 11 đến nay thị trường này đang có động thái kiểm soát chặt nhập khẩu thủy hải sản do lo sợ lây nhiễm COVID-19, do vậy, xuất khẩu thủy hải sản sang Trung Quốc được dự báo sẽ tăng trưởng thấp hơn trong những tháng tháng 12. Chính vì vậy, Bộ NN&PTNT cần phối hợp với Bộ Công thương và Bộ Ngoại giao làm việc với cơ quan thẩm quyền Trung Quốc để sớm tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, dựa trên cơ sở Việt Nam đã và đang kiểm soát tốt dịch COVID-19 để không ảnh hưởng xấu đến giá trị xuất khẩu thủy sản năm 2020.

Trong báo cáo của Bộ Công Thương gửi lên Thủ tướng Chính phủ dự báo, tình trạng thiếu tàu biển và thiếu container có thể kéo dài đến tháng 2-3/2021. Thậm chí việc dịch COVID-19 chưa được kiểm soát, vẫn tiếp tục lây lan trên thế giới nhiều khả năng tình trạng này còn kéo dài hơn. Do đó, Doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản cần lên kế hoạch và kịch bản ứng phó nhằm hạn chế tối thiểu sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng và giảm thiểu tối đa sụt giảm xuất khẩu của mỗi doanh nghiệp và tổng kim ngạch của toàn ngành trong thời gian tới.

8. Gỗ và các sản phẩm từ gỗ

Việt Nam xuất khẩu gỗ & SP gỗ sang thị trường Trung Quốc chủ yếu là gỗ nguyên liệu (dăm gỗ, ván lạng, gỗ xẻ...) và nhóm hàng này có xu hướng tăng so với năm trước do tình hình sản xuất và xuất khẩu gỗ & SP gỗ của Trung Quốc dần khôi phục và phát triển. Trong khi các mặt hàng có giá trị gia tăng cao như: đồ gỗ nội, ngoại thất, khung tranh, ảnh có xu hướng sụt giảm mạnh về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2019 do Việt Nam phải cạnh tranh với sản phẩm nội địa của Trung Quốc và các nước khác trong khu vực như Thái Lan, Malaysia.

PHỤ LỤC

Bảng 1: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 11 /2020

STT	Sản phẩm	Tháng 11/ 2020 (USD)	Tăng /giảm so T10/2020	Tăng /giảm so T11/2019	Tỷ trọng
1	Cà phê	9,394,980.00	5.61%	-12.63%	1.07%
2	Cao su	266,065,271.00	25.24%	36.03%	30.27%
3	Chè	852,491.00	-39.24%	20.44%	0.10%
4	Gạo	52,117,767.00	26.27%	285.05%	5.93%
5	Gỗ và SP Gỗ	91,114,640.00	15.70%	9.77%	10.37%
6	Rau quả	142,997,742.00	19.95%	-12.55%	16.27%
7	Hàng thủy sản	114,838,953.00	-27.14%	-11.67%	13.07%
8	Hạt điều	73,074,940.00	-17.19%	-0.18%	8.31%
9	Mây tre đan	1,064,854.00	0.09%	23.84%	0.12%
10	SP từ cao su	8,884,519.00	-5.91%	32.85%	1.01%
11	Sắt &SP sắt	99,232,409.00	0.23	-4.84%	11.29%
12	TĂGS &NL	18,940,377.00	(0.11)	50.31%	2.16%
13	Thịt &SP Thịt	307,163.62	0.75	-97.09%	0.03%
Tổng XK NLTS		878,886,106.62	7.08%	9.13%	100.00%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 2: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Trung Quốc tháng 11/2020

TT	Sản phẩm	Tháng 11/2019		Tháng 11/2020		So sánh 2020/2019 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1.	Gạo nếp	11,403	7,131,011	89,524	49,188,463	685.1%	589.8%
2.	Các loại gạo khác	14,092	6,404,279	5,165	2,929,304	-63.3%	-54.3%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Trung Quốc tháng 11/2020

TT	Sản phẩm	T11/2019 (USD)	T11/2020 (USD)	So sánh T11.2020/T11.2019
	Tổng giá trị XK	163,512,918	142,997,742	-12.5%
1	Thanh long	79,644,257	76,519,440	-3.9%
2	Xoài	18,700,281	18,432,957	-1.4%
3	Mít	12,837,196	14,237,348	10.9%
4	Chuối	10,319,624	8,656,695	-16.1%
5	Chanh	2,377,721	1,304,662	-45.1%
6	Ớt	1,794,683	978,085	-45.5%
7	Nhãn	11,606,716	853,298	-92.6%
8	Sầu riêng	2,493,314	839,603	-66.3%
9	Dưa hấu	647,079	537,787	-16.9%
10	Chôm chôm	827,806	89,433	-89.2%
11	Vải	10,050	202	-98.0%
12	Khác	22,254,191.28	20,548,233.79	-7.7%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang Trung Quốc tháng 11/2020

TT	Sản phẩm	T11/2019 (USD)	T11/2020 (USD)	So sánh T11.2020/T11.2019 (%)
	Tổng giá trị xuất khẩu	10.567.698,7	307.163,6	-97,1%
1	Thịt và các phụ phẩm dạng thịt chế biến (chân lợn nấu chín, chân gà rút xương, khô bò, khô gà, ...)	4.368.943,7	283.341,1	-93,5%
1	Thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ khác đông lạnh	2.242.349,2	23.822,5	- 98,9%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Trung Quốc tháng 11 năm 2020

Loại sản phẩm	Tháng 11/2019 (USD)	Tháng 11/2020 (USD)	So sánh 2020/19 (%)
Cá ngừ	390.508,80	270.433,40	-30,75%
Cá tra	60.896.481,31	53.826.877,40	-11,61%
Cua - ghẹ	1.956.496,70	4.942.931,40	152,64%
Mực và bạch tuộc	3.025.159,78	4.181.602,76	38,23%
Tôm sú	7.598.485,24	7.326.346,99	-3,58%
Tôm thẻ chân trắng	44.592.367,36	17.031.793,56	-61,81%
Tôm loại khác	756.210,34	8.208.378,62	985,46%
Thủy sản khác	10.794.721,47	19.050.588,86	76,48%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Xuất khẩu sản phẩm cao su sang thị trường Trung Quốc tháng 11 năm 2020

TT	Loại sản phẩm	Tháng 11/2019		Tháng 11/2020		So sánh 2020/2019 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Tổng xuất khẩu		202.279.733		274.949.790		35,93
	Cao su	149.746	195.592.254	174.761	266.065.271	16,70	36,03
	Sản phẩm cao su		6.687.479		8.884.519		32,85

Nguồn: Tổng cục Hải quan